

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HS-PT

Ngày 27 - 11-2019

NHÂN DA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH L

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị K Vân;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Khoa và ông Phạm N Toàn;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm công Kivụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số:31/2019/TLPT - HS ngày 10/11/2019 đối với các bị cáo Ngô Quốc K, Tổng Thu H, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số:45/2019/HSST ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh L.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. *Ngô Quốc K*, S1 ngày 06/9/1991, tại tHnh phố Y, tỉnh Y.

Nơi cư trú: Tổ 45, phường M, tHnh phố Y, tỉnh Y

Tạm trú: Số nH 015, Đ S, phường K, tHnh phố L, tỉnh L

Nghề nghiệp: Tự do; Tr độ văn hóa: Lớp 11/12.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Ngô Văn T, S1 năm 1966 (đã chết); con bà: Lê Thị Bích L, S1 năm 1968, hiện trú tại: Phường M, tHnh phố Y, tỉnh Y.

Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 03 tiền án. Bản án số 05 ngày 05/01/2010 của Tòa án nhân dân quận Đ, tHnh phố H Nộixử phạt 34 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án số 81 ngày 29/8/2013 của Tòa án nhân dân tHnh phố Y, tỉnh Y xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án số 69 ngày 25/03/2014 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, tHnh phố H Nộixử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/10/2018 đến ngày 11/10/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt.

2. **Tổng Thu H**, S1 ngày 25/02/1968, tại huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu;

Nghề nghiệp: Tự do; Tr độ văn hóa: Lớp 10/10.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Tổng Xuân Ng, S1 năm 1913 (đã chết); con bà: Nguyễn Thị N, S1 năm 1920 (đã chết).

Bị cáo có chồng là Nguyễn Thế T, S1 năm 1959 hiện trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; bị cáo có 03 con, lớn nhất S1 năm 1989, nhỏ nhất S1 năm 2007.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại Khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu - Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 09 bị cáo(bị cáo Nguyễn Văn T1, Lự Q1 Q, Vũ Văn Đ, Phạm Văn Q1, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thế S, Nguyễn Thị S1, Nguyễn Đức H, Doãn Văn Đ) phạm tội “*Đánh bạc*” không có kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 00 phút ngày 02/10/2018 Công an huyện V bắt quả tang một số đối tượng đang có Hnh vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa ăn tiền tại thôn 3 Minh Hạ, xã Minh Lương, huyện V, tỉnh L. Vật chứng thu giữ trên chiếu bạc gồm: 87.400.000đ; 01 bộ bát đĩa sứ màu trắng bên trong có 04 quân vị hình tròn bằng quân cơ của bài tú lơ khơ; 03 bảng vị bằng vải bạt màu trắng hình vuông, một mặt của mỗi bảng vị đều có ghi chữ “bốn trắng, bốn đen, ba trắng, ba đen”; 01 điện thoại di động Nokia 1280, vỏ màu đen; 01 chiếc điện thoại Sam sung, màu trắng, màn hình bị rạn vỡ; 01 chiếc va ly màu trắng, bên trong va ly có 04 bộ bài tú lơ khơ chưa qua sử dụng; 03 sạc bộ đàm bằng nhựa màu đen; 01 bình ga mini màu đỏ; 03 đầu khò có đầu kết nối với bình ga mini; 01 chiếc bát sứ màu trắng; 01 miếng gỗ hình vuông có kích thước 15x16x2,5cm hai mặt miếng gỗ có in hằn dấu vết hình tròn; 01 thA kim loại hình tròn có một đầu rỗng dài 9,3cm, Đ kính 02cm; 01 dùi đục bằng gỗ kích thước 24,7x3,5x2,7cm; 01 ví da màu đen bên trong có 01 CMTND và 01 giấy phép lái xe mang tên Lự Q1 Đ; 01 thẻ ATM mang tên Lý Văn Linh.

Vật chứng thu giữ liên quan đến Hnh vi đánh bạc gồm: 05 chiếc ghế nhựa màu đỏ, nhãn hiệu Việt Nhật, kích thước mặt ghế 26x26cm cao 42cm; 10 chiếc ghế nhựa màu xA, nhãn hiệu Việt Nhật, kích thước mặt ghế 23,5x18cm

cao 16cm; 29 chiếc ghế nhựa màu đỏ, nhãn hiệu Việt Nhật, kích thước mặt ghế 19x19cm, cao 16cm; 08 chiếc ghế nhựa màu xA, nhãn hiệu Việt Nhật, kích thước mặt ghế 19x19cm, cao 16cm; 01 chiếc bàn nhựa màu vàng, nhãn hiệu Song Long, mặt bàn có kích thước 64,5x41,5cm, cao 50cm; 04 chiếc bóng đèn điện có Đ kính 06cm, cao 11cm màu trắng; 01 bình ắc quy màu trắng, nhãn hiệu DONGNAI; 01 bình ắc quy màu đen nhãn hiệu GS GT5A-E; 01 chiếc bạt lưới màu đen kích thước 38x2,8m; 01 chiếc thảm bằng vải màu đỏ kích thước 39,7x0,95m; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX màu đỏ đen, BKS: 24V1- 112.31; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RS màu đỏ đen, BKS: 24V1 - 072.77; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha; Loại xe: Exciter; Màu S: XA - Bạc; BKS: 24B1-770.68; 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại xe INNOVA màu bạc BKS: 17A - 089.73; 01 xe ô tô nhãn hiệu DAEWOO, loại xe GENTRA SX, màu đen, BKS: 25A - 013.79.

Vật chứng thu giữ trên người các đối tượng gồm: Lữ Q1 Q: 01 chiếc bộ đàm màu đen; 167.000đồng; 01 dây sạc màu đen; 01 điện thoại SamSung S7 Edge màu đen. Nguyễn Văn T1 4.530.000đồng. Ngô Quốc K 01 túi da màu nâu bên trong có 2.580.000đồng; 01 chiếc ví da bên trong có CMTND và giấy phép lái xe mang tên Ngô Quốc K; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6, màu trắng bạc. Nguyễn Thế S 10.530.000đồng; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5s, màu vàng đồng; 01 ví da màu nâu bên trong có 01 giấy phép lái xe mang tên Vương Văn Dũng. Nguyễn Văn S số tiền 5.037.000đồng, 01 ví da, màu nâu bên trong có CMTND mang tên Nguyễn Văn S; Vũ Văn Đ số tiền 9.542.000 đồng, 01 điện thoại di động iphone 6 màu bạc, 01 điện thoại di động Nokia 105, màu cam; Nguyễn Đức H 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6, màu vàng đồng; Doãn Văn Đ số tiền 125.000đồng; 01 chiếc điện thoại di động Sam Sung Note 3 Neo; 01 chiếc điện thoại di động Nokia 105 màu đen. Nguyễn Thị S1 số tiền 7.115.000đồng. Tống Thu H số tiền 11.022.000đồng; 01 túi xách màu xám bên trong có CMTND mang tên Tống Thu H; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Tiến Tr; 01 sạc dự phòng, 01 đồng hồ đeo tay; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6 Plus màu bạc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng. Trần Văn T số tiền 2.526.000đồng; 01 điện thoại di động SamSung S7 Edge màu đen; 01 điện thoại di động Iphone 5s màu vàng đồng; 01 điện thoại di động màu vàng, mặt trước có ghi chữ Vertu. Vũ Minh K số tiền 5.805.500đồng; 01 ví da màu nâu bên trong có CMTND; 01 thẻ căn cước công dân; 02 giấy phép lái xe đều mang tên Vũ Minh K; 01 hóa đơn bán Hng phụ tùng ô tô. Phạm Văn H số tiền 3.766.000đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6 màu bạc; 01 ví da bên trong có thẻ bảo hiểm y tế mang tên Phạm Văn H. Cao Diệp N số tiền 19.500.000đồng; 01 túi xách kẻ ca rô màu đỏ đen bên trong có CMTND mang tên Cao Diệp N; 01 CMTND và 01 giấy phép lái xe mang tên Lữ Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy S7 Edge, màu bạc. Nguyễn Thị Vân A số tiền 5.470.000đồng; 01 túi xách kẻ màu đen bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng, đồ vật, tài sản theo quy định.

Quá Tr điều tra xác định: Ngày 30/9/2018 Lự Q1 Q đi đến sỏi bạc ở xã Minh Lương, huyện V để hỏi xem có việc gì làm ở sỏi bạc không, đến nơi Q gặp Lân (Q chỉ biết Lân nH ở xã Võ Lao) đang làm hồ lý tại sỏi. Q hỏi Lân thì được Lân cho biết sỏi bạc còn thiếu người làm cảnh giới và người xóc cái. Đến sáng ngày 02/10/2018 Q gọi điện và rủ Nguyễn Văn T1 đến sỏi bạc ở xã Minh Lương để xin có việc gì làm thì làm, T1 đồng ý. Q chuẩn bị sẵn các dụng cụ đánh bạc cho vào một chiếc va ly (gồm bát đĩa sứ, bộ bài tú lơ khơ, bộ khò) để mang đi phục vụ cho việc đánh bạc. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Q đi lên đến sỏi bạc tại khu bãi đá thuộc thôn 3 Minh Hạ, xã Minh Lương, huyện V, thì thấy có một số người không quen biết ở đó, Q mang chiếc va ly vào để ở trong lán đánh bạc và ra ngoài đứng đợi mọi người đến đánh bạc, một lúc sau thì Nguyễn Văn T1 đi đến. Q gặp Lân và hỏi "*Hôm nọ, A bảo thiếu người làm, hôm nay em với T1 lên, A xem có việc gì làm thì cho A em làm*", Lân bảo "*Thằng nào xóc cái thì xóc, thằng nào đi trông thì đi*". Q bảo T1 "*Bây giờ mày thích xóc cái, hay là đi trông*", T1 bảo "*thôi để em xóc cái cho*". Q nói với T1, va ly để ở trong lán, lúc nào chơi thì bỏ ra, sau đó Q đi ra Đ mòn cách lán khoảng 300m để cảnh giới cho mọi người đánh bạc. T1 ở trong lán đến khi thấy có Đ người đến thì mang chiếc va ly ra để đục quân vị từ quân bài tú lơ khơ, sau đó T1 cho quân vị vào bộ bát đĩa và xóc cái cho mọi người đánh bạc bằng hình thức là đánh chắn lẻ, tỉ lệ được thua là 1 ăn 1, quy định số tiền tối thiểu trong mỗi lần đặt ở các ván bạc là 100.000đồng và không giới hạn số tiền tối đa, lúc này Lân là người làm hồ lý trong các ván bạc. Khi vào xóc cái T1 có 2.030.000đồng, T1 bỏ ra 1.000.000đồng đánh được hai ván và thắng được 1.500.000đồng và T1 được mọi người đánh bạc cho 700.000 đồng; T1 xóc cái cho mọi người đánh bạc đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày thì nghỉ ăn cơm tối.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn cơm ở khu vực trung tâm xã Minh Lương, Q lấy chiếc va ly đựng dụng cụ đánh bạc rồi lái xe máy chở T1 đi lên sỏi bạc. Q bảo T1 mang valy vào lán để khi nào mọi người đánh bạc thì mang ra chơi. Q đứng một lúc thì gặp Lân, lúc này Lân tiếp tục bảo Q đi cảnh giới và đưa cho Q 200.000 đồng; 01 chiếc bộ đàm và hướng dẫn Q sử dụng. Q đi xuống cách lán đánh bạc khoảng 1km thì ngồi trên xe mô tô BKS: 24B1-770.68 ở Đ mòn (Đ dân S1 đi lên sỏi bạc) để cảnh giới. Lúc này, ở trong lán, khi thấy có Đ người thì T1 lấy chiếc va ly ra, lấy quân cơ của bộ bài tú lơ khơ để đục quân vị và xóc cái cho mọi người đánh bạc. Những người có mặt tại sỏi bạc phải nộp cho Lân 300.000^d để được tham gia đánh bạc. Trong quá Tr đánh bạc, ngoài Q là người cảnh giới, T1 trực tiếp xóc cái, Lân làm hồ lý (thu tiền, giam tiền), T1 được mọi người đánh bạc cho 300.000, khi mọi người đang chơi đánh bạc thì bị bắt quả tang.

Xác định số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là: 87.400.000đồng trong đó:

- Bị cáo Ngô Quốc K mang theo 7.580.000^d, bỏ ra 5.000.000^d để đánh bạc bằng hình thức đánh chắn, lẻ và bị thua hết số tiền 5.000.000^d thì ngồi xem. Khi bị bắt, bị thu giữ số tiền 2.580.000^d;

- Bị cáo Nguyễn Thế S mang theo 1.530.000^d, trả tiền xe taxi 700.000^d, bỏ ra 300.000^d để đánh bạc bằng hình thức đánh chắn, lẻ và bị thua hết số tiền 300.000^d. Khi đang ngồi xem đánh bạc thì được Bị cáo Phạm Văn Q1, đưa cho 10.000.000^d nhờ cầm hộ để Q1 trả nợ. Khi bị bắt, bị thu giữ thu giữ số tiền 10.530.000^d (trong đó có 10.000.000^d là tiền Q1 gửi; 530.000^d là tiền của S);

- Bị cáo Nguyễn Văn S mang theo 5.037.000^d, bỏ ra 500.000^d để đánh bạc, bằng hình thức đánh chắn, lẻ và hòa số tiền mang ra đánh bạc. Đến khi bị bắt, bị thu giữ số tiền 5.037.000^d (trong đó có 500.000^d là tiền S sử dụng để đánh bạc; còn 4.537.000^d không sử dụng để đánh bạc);

- Bị cáo Vũ Văn Đ mang theo 4.442.000 đồng, bỏ ra 4.400.000 để đánh bạc bằng hình thức đánh chắn, lẻ và thắng được 5.100.000 đồng. Khi bị bắt bị thu giữ 9.542.000 đồng (trong đó có 9.500.000 đồng là tiền đánh bạc; 42.000 đồng không sử dụng vào đánh bạc);

- Bị cáo Nguyễn Đức H mang theo 100.000^d để đánh bạc bằng hình thức đánh chắn, lẻ và bị thua số tiền 100.000^d.

- Bị cáo Doãn Văn Đ mang theo 225.000^d, bỏ ra 100.000^d để đánh bạc bằng hình thức đánh chắn, lẻ và bị thua hết số tiền 100.000^d. Khi bị bắt bị thu giữ số tiền 125.000^d;

- Bị cáo Nguyễn Thị S1 mang theo 7.215.000^d, bỏ ra 100.000^d để đánh bạc bằng hình thức đánh chắn, lẻ bị thua. Khi bị bắt bị thu giữ 7.115.000^d.

- Bị cáo Phạm Văn Q1 vay của Tổng Thu H 20.000.000^d, tại sới bạc, để đánh bạc, (Q1 đưa lại cho H 1.000.000^d, đưa cho bố để là Phạm Văn H 2.000.000^d để lấy tiền xe đi về, đưa cho Nguyễn Thế S cầm hộ 10.000.000^d), còn lại 7.000.000^d Q1 sử dụng để đánh bạc bằng hình thức đánh chắn, lẻ và bị thua hết 7.000.000^d, khi Công an đến bắt giữ Q1 đã chạy thoát, đến ngày 14/01/2019 Q1 ra đầu thú và Ki nhận Hnh vi phạm tội.

- Bị cáo Tổng Thu H cho Phạm Văn Q1 vay số tiền là 20.000.000^d tại sới bạc để Q1 đánh bạc. Khi bị bắt H bị thu giữ số tiền 11.022.000^d;

Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2019/HSST ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh L đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Ngô Quốc K, Tổng Thu H phạm tội “Đánh bạc”

- Căn cứ vào điểm b, d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Quốc K 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp Hnh án, khi chấp Hnh án được trừ đi 09 (chín) ngày đã bị tạm giữ.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Tổng Thu H 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp Hnh án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên 09 bị cáo phạm tội “Đánh bạc” xử phạt: 04 bị cáo mức án từ 02 năm đến 03 năm 06 tháng tù; Xử phạt 05 bị cáo mức án từ 01 năm 09 tháng tù đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Bản án còn tuyên án phí, xử lý vật chứng vụ án và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định.

Ngày 13/6/2019, bị cáo Tổng Thu H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét xử phạt Hình chính;

Ngày 16/10/2019 bị cáo Ngô Quốc K kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 15/10/2019 bị cáo Tổng Thu H có đơn xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Tổng Thu H Ki nhận toàn bộ Hình vi phạm tội, và cho rằng do không hiểu biết pháp luật nên bị cáo nghĩ bị cáo chỉ cho bị cáo Q1 vay tiền để đánh bạc chứ bị cáo không thực hiện Hình vi phạm tội. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo mới nhận thức được Hình vi phạm tội cho vay tiền để đánh bạc là Hình vi phạm tội giúp sức cho các bị cáo khác thực hiện Hình vi phạm tội đánh bạc ăn tiền. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội. Bị cáo rất ăn năn và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Ngô Quốc K giữ nguyên nội dung kháng cáo và Ki nhận toàn bộ Hình vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Quốc K. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tổng Thu H, xử phạt bị cáo 2 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội dA: Căn cứ vào lời Ki nhận tội của các bị cáo Ngô Quốc K, Tổng Thu H và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Ngày 02/10/2018, bị cáo Ngô Quốc K, Tổng Thu H và 09 bị cáo gồm: Nguyễn Văn T1 (tên gọi khác: Ké), Lữ Q1 Q, Phạm Văn Q1, Vũ Văn Đ, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thế S, Nguyễn Đức H (tên gọi khác H Đen), Doãn Văn Đ, Nguyễn Thị S1, đã thực hiện Hình vi phạm tội đánh bạc bằng hình thức chơi “xóc đĩa” được thua bằng tiền, số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 87.400.000 đồng. Như vậy, Bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Ngô Quốc K:

Bị cáo Ngô Quốc K là người trực tiếp tham gia đánh bạc cùng các bị cáo khác, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm đồng phạm với vai trò là người thực Hình.

Xét Hnh vi phạm tội của bị cáo Ngô Quốc K: Ngày 02/10/2018 bị cáo K đã mang số tiền theo 7.580.000^d, bị cáo bỏ ra 5.000.000^d để đánh bạc bằng hình thức đánh chắn, lè và bị thua hết số tiền 5.000.000^d thì ngồi xem. Khi bị bắt, bị thu giữ số tiền 2.580.000^d; trong quá Tr điều tra truy tố xét xử bị cáo tHnh khẩn Ki báo.

Xét về nhân thân: Bị cáo Ngô Quốc K có nhân thân xấu, bị cáo có 03 tiền án. Ngày 05/01/2010 bị Tòa án nhân dân quận Đ, tHnh phố H Nộixử phạt 34 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 29/8/2013 bị Tòa án nhân dân tHnh phố Y, tỉnh Y xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 25/03/2014 bị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, tHnh phố H Nộixử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án này đã xác định tái phạm và được tổng hợp hình phạt với bản án số 81 ngày 29/8/2013, buộc phải chấp Hnh hình phạt chung là 60 tháng tù. Bị cáo chấp Hnh xong hình phạt tù ngày 18/05/2018, xong bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Bị cá có T tiết giảm nhẹ là “tHnh khẩn Ki báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự. Xét tính chất, mức độ thực hiện Hnh vi phạm tội cũng như xem xét về nhân thân và T tiết giảm nhẹ của bị cáo thấy rằng Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức án 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, là phù hợp, tương xứng với Hnh vi của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm được T tiết giảm nhẹ gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Tổng Thu H:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Tổng Thu H cho rằng bị cáo không có mặt ở nơi đánh bạc, không tham gia đánh bạc, không cho ai vay tiền để đánh bạc nên bị cáo không phạm tội đánh bạc nhưng quá Tr điều tra và tại phiên tòa xác định: Các lời Ki tại cơ quan điều tra Phạm Văn Q1 đều khẳng định có gọi điện hỏi vay tiền H và H đi vào xới bạc đưa cho Q1 20.000.000đ; Biên bản kiểm tra điện thoại của Tổng Thu H xác định 22h31” Phạm Văn Q1 có gọi điện thoại cho Tổng Thu H; Trần Văn T, Nguyễn Văn T1 Ki: H có đi vào xới bạc đưa cho Q1 20.000.000đ. Số tiền H đưa Q1 sử dụng như sau: Nhờ Trần Văn T đưa lại cho H 1.000.000đ, cho bố đẻ là Phạm Văn H 2.000.000đ, gửi Nguyễn Thế S 10.000.000đ và dùng 7.000.000đ để đánh bạc và bị thua hết. Trong quá Tr điều tra Tổng Thu H đều thừa nhận có vào xới cho Q1 vay 20.000.000đ, tại các biên bản đối chất giữa Phạm Văn Q1, Trần Văn T với Tổng Thu H, H vẫn thừa nhận đi vào xới cho Q1 vay 20.000.000đ. Đến khi kết thúc điều tra Tổng Thu H mới thay đổi lời Ki phủ nhận việc cho Q1 vay tiền cho rằng tại cơ quan điều tra Ki không đúng do bị quát, dọa nạt, có mâu thuẫn với Trần Văn T nên T cố ý Ki không đúng để hại H là không có căn cứ. Tuy không chứng minh được Q1 đưa lại 1.000.000đ nhờ T trả lại cho H nhưng Hnh vi của Tổng Thu H đủ căn cứ thể hiện giúp sức cho Phạm Văn Q1 đánh bạc với số tiền là 7.000.000đ, nên Tổng Thu H phải chịu trách nhiệm đồng phạm với vai trò là người giúp sức. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo quA co, chối tội nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 3 năm tù là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin được phạt tiền. Quá Tr giải quyết vụ án tại Tòa án phúc thẩm, bị cáo có đơn xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Ki nhận toàn bộ Hnh vi phạm tội.

Xét về nhân thân bị cáo Tống Thu H: Ngày 12/2/1996 bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã L xét xử 4 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” đến nay đã được xóa án tích. Sau khi chấp Hnh xong hình phạt tù bị cáo là một công dân tốt, có nhiều Hnh động từ thiện giúp đỡ các học S1 vùng đặc biệt khó khăn, ủng hộ vật chất cho khu dân cư nơi S1 sống; có chồng từng tham gia quân đội nhân dân Việt Nam. Xét thấy vai trò của bị cáo trong vụ án có vai trò không đáng kể. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Ki nhận tội và xin được hưởng án treo. Vì vậy bị cáo được hưởng T tiết giảm nhẹ là “*tHnh khản Ki báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự. Theo hướng dẫn tại khoản 2 điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo Tống Thu H đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, xét thấy bị cáo Tống Thu H có 01 T tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và 01 T tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo cũng không thuộc trường hợp phạm tội lần đầu nên không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Tống Thu H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do kháng cáo bị cáo Ngô Quốc K không được chấp nhận nên bị cáo K phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định. Bị cáo Tống Thu H không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Quốc K; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2019/HSST ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh L về phần hình phạt chính đối với bị cáo Ngô Quốc K như sau:

- Căn cứ vào điểm b, d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Quốc K 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp Hnh án, khi chấp Hnh án được trừ đi 09 (chín) ngày đã bị tạm giữ.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Sửa Bản án sơ thẩm số 45/2019/HSST ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh L về phần hình phạt chính đối với bị cáo Tống Thu H như sau:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; Điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Tổng Thu H 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Quốc K phải chịu 300.000đ tiền án phí HSPT; Bị cáo Tổng Thu H không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đối với các bị cáo: Nguyễn Văn T1 (tên gọi khác Ké), Lữ Q1 Q, Phạm Văn Q1, Vũ Văn Đ, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thế S, Nguyễn Đức H (tên gọi khác H Đen), Doãn Văn Đ, Nguyễn Thị S1; về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ I);
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- PV 27 CA tỉnh;
- CQCSĐT CA V;
- CQTHAHS CA V;
- VKSND huyện V;
- TAND huyện V;
- THADS huyện V;
- Các bị cáo; Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị K Vân

THành viên Hội đồng xét xử

Các thẩm phánThẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hữu KhoaPhạm N Toàn Trần Thị K Vân

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ I);
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- PV 27 CA tỉnh;
- QCSĐT CA V;
- CQTHAHS CA V;**Trần Thị K Vân**
- VKSND huyện V;
- TAND huyện V;
- THADS huyện V;
- Cácbị cáo; Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

